

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2022

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

***- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 893/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con ” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Thị H, sinh năm 1989.

Trú tại: ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện A, tỉnh Đ.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1985.

Trú tại: 251/4, khu phố 7, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ.

( Bà H, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện đến với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gây gắt hơn từ năm 2017 cho đến nay. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Pa Lê T, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/04/2015. Ly hôn, bà H đồng ý giao

hai cháu Nguyễn Pa Lê T và cháu Nguyễn Triệu V cho ông Đ nuôi dưỡng và tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\*Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Minh Đ: Ông Đ có đơn xin vắng mặt và trong bản tự khai ông Đ trình bày như sau:

Ông và bà Thị H tự nguyện đến với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay ông Đ cũng xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Pa Lê T, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/04/2015. Ông Đ và bà H đã thống nhất để ông trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trúc và V, tạm thời ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H có căn cứ.

Về con chung: Bà H và ông Đ thống nhất giao hai con chung Nguyễn Pa Lê T, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/04/2015 cho ông Đ nuôi dưỡng nên cần giao các con chung cho ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Trúc, cháu Vy và ý kiến của các đương sự. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh Đ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đ về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Ông Đ và bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà H và ông Đ thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ để bà ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng bà H cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

[3] Về con chung: Bà H và ông Đ thống nhất giao hai con chung Nguyễn Pa Lê T, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/04/2015 cho ông Đ nuôi dưỡng nên cần giao các con chung cho ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Trúc, cháu Vy và ý kiến của các đương sự. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị H. Bà Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung Nguyễn Pa Lê T, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/04/2015 cho ông ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Thị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Đương sự khai không nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**5. Về án phí:** Bà Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0000856 ngày 14/4/2021. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P.Tân Biên,  
Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Nguyễn Triệu Châu**

